TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2020
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Đặng Văn Đê

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Khuất Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 386/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23-12-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08-01-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy H – sinh năm 1983 (có mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ 15 ấp Bắc 1, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở: Đội 2, thôn Liễu Dinh Bắc, xã T, huyện A, thành phố H Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thái T, sinh năm 1988 – Luật sư của công ty Luật TNHH MTV Trần Thái – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D – sinh năm 1984 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 15 ấp Bắc 1, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người làm chứng:
3.1/ Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Trú tại: Ấp Nam, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3.2/ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Trú tại: Ấp Nam, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3.3/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Trú tại: Ấp Nam, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3.4/ Bà Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 15, ấp Bắc 1, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI D VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Duy H trình bày:

Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị Kim D chính thức chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và không phù hợp với nhau về tính cách. Ông H cho rằng bà D sống không thật lòng dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày giữa hai người thường xảy ra cãi vã. Bà D nhiều lần chơi hụi, vay tiền gây nợ nần thường xuyên có người đến nhà đòi nợ, bản thân ông không biết bà D vay tiền để sử dụng vào mục đích gì. Ông H nhiều lần phải trả nợ thay cho bà D. Vì không chịu nổi áp lực cuộc sống và cảm thấy chán nản nên năm 2015 ông H đã bỏ về quê ở Hải Phòng để sinh sống. Cuối năm 2015, đầu năm 2016 bà D và con cũng về Hải Phòng sống cùng ông, tuy nhiên giữa vợ chồng vẫn liên tục xảy ra xung đột, không tìm được tiếng nói chung do bà D tiếp tục gây nợ nần. Đến đầu năm 2017, bà D đề nghị ông đưa 100.000.000 đồng thì sẽ ra đi và đồng ý ly hôn. Lúc đó, ông H đã đưa cho bà D 50.000.000 đồng tiền mặt và một chiếc xe máy Honda Air Blade. Sau đó, bà D dẫn con quay về lại thành phố Bà Rịa sinh sống cho tới nay. Khoảng cuối năm 2017, ông đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án Bà Rịa nhưng sau đó vì muốn cho vợ chồng thêm cơ hội hàn gắn tình cảm nên ông đã rút đơn. Tuy nhiên sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Thực tế ông và bà D đã sống ly thân mấy năm nay, vợ chồng không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, vì vậy ông H yêu cầu được ly hôn với bà D.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D cho rằng còn tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng trong thời gian Tòa án cho suy nghĩ hòa giải bà D không thể hiện bất cứ thiện chí nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày của bà D cho rằng thực sự vợ chồng không có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là do gia đình ông tác động, ép buộc là không đúng. Ông và bà D đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn chung sống cũng không có sự thương yêu quan tâm chăm sóc nhau. Ông H xác định ông không còn tình cảm với bà D và không thể tiếp tục chung sống nên ông mới có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D. Sau những buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án, ông và bà D không liên lạc với nhau, cũng không tìm cách gì để hàn gắn mâu thuẫn. Bản thân ông không muốn hàn gắn với bà D vì thực sự đã hết tình cảm.

Về con chung: Ông H và bà D có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006. Bà D đưa con vào thành phố Bà Rịa sinh sống và hiện đang gửi con sinh sống ở nhà thờ. Ông H đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà D.

[2]. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Bà D đồng ý với phần trình bày của ông H về thời gian chung sống và kết hôn. Tuy nhiên bà D không đồng ý với ý kiến của ông H về mâu thuẫn vợ chồng. Theo bà D, quá trình sống chung giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Năm 2015 bố ông H mất nên ông H quyết định về quê sinh sống, một thời gian ngắn sau bà và con cũng về quê sống cùng chồng. Trong thời gian sống ở quê thì có nhiều tác động bên ngoài làm cho vợ chồng bà chịu nhiều áp lực. Mẹ ông H gây áp lực buộc vợ chồng bà phải ly hôn. Đến giữa năm 2017 bà D đưa con vào thành phố Bà Rịa sinh sống, cuối năm 2017 ông H có đưa đơn ly hôn nhưng thực chất là chỉ làm theo ý muốn của mẹ chồng. Mỗi lần ông H từ bắc vào thì vẫn sống chung với bà bình thường. Bà D xác nhận từ giữa năm 2017 cho tới nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi han, quan tâm đến nhau, cho đến năm 2019 vì bận công việc nên bà và ông H ít liên lạc.

Trong thời gian Tòa án hòa giải bà vẫn chủ động liên lạc bằng điện thoại với ông H và cả hai vẫn nói chuyện bình thường. Bà D khẳng định vẫn còn tình cảm với chồng và cũng cảm nhận được rằng ông H còn tình cảm với bà nên bà không đồng ý ly hôn. Mặt khác, bà là người theo Đạo Thiên Chúa nên bà sẽ không ký bất cứ văn bản nào về việc đồng ý ly hôn. Bà mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để con có đủ cha và mẹ.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của ông H về việc ly hôn thì bà sẽ là người trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành vì hiện nay bà là người quản lý nuôi dưỡng con. Về vấn đề cấp dưỡng thì tùy thuộc vào ý thức trách nhiệm của ông H.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D sẽ xem xét lại, nếu có yêu cầu giải quyết thì bà sẽ làm đơn sau.

[3]. Về ý kiến của người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim Á:

Bà Huỳnh Thị Kim Á là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Kim D. Theo bà Ánh thì ông H và bà D kết hôn năm 2005 cùng sinh sống làm ăn xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa và có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006. Do vợ chồng bà D sống riêng nên bà Á không biết rõ mâu thuẫn giữa bà D và ông H cụ thể như thế nào. Khoảng năm 2016 ông H có nói với bà là do làm ăn ở đây khó khăn nên ông H sẽ về quê ở Hải Phòng, ông H đi được một thời gian thì bà D cũng dẫn con về Hải Phòng sống cùng ông H. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn thì bà D dẫn con quay lại Bà Rịa từ đó vợ chồng sống ly thân. Thời gian vừa qua bà D cũng không tâm sự chia sẻ gì với bà nên bà không rõ mâu thuẫn là gì. Theo bà Á thì chuyện hôn nhân của ông H bà D là do hai người tự quyết định bà không can thiệp nhưng thực sự giữa ông H và bà D đã ly thân

và không còn liên lạc với nhau mấy năm nay, ông H không chu cấp tiền nuôi con và cũng không vào thăm con. Quá trình chung sống, ông H và bà D không có tài sản gì chung và không có nợ chung.

[5]. Về ý kiến của người làm chứng ông Bùi Thanh H, ông Trần Văn Q và ông Trần Văn N:

Các ông Bùi Thanh H, Trần Văn Q và Trần Văn N sinh sống ở ấp Nam, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gần với nơi sinh sống của vợ chồng ông H bà D. Do là hàng xóm nên các ông có biết về mối quan hệ vợ chồng giữa ông H bà D. Cụ thể là khoảng năm 2004, 2005 thì ông H bà D đến thuê nhà đất ở ấp Nam, xã Hòa Long để ở và làm cơ sở sản xuất than đá. Gia đình cha mẹ ruột của bà D thì ở ấp Bắc, xã Hòa Long, còn ông H là người ở Hải Phòng vào đây làm ăn. Quá trình sống chung ở đây ban đầu không thấy xảy ra mâu thuẫn gì, vợ chồng ông H bà D có mua được 01 căn nhà ở ấp Phước Hữu, xã Long Phước (gần với nơi sản xuất than đá của ông H). Nhưng thời gian sau thì các ông thấy vợ chồng ông H bà D có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà D làm ăn gây nợ nần. Vì vậy, cách đây khoảng 3 năm ông H sang lại cơ sở sản xuất than đá và dọn về quê ở Hải Phòng sinh sống, bà D cùng con trai ở lại với cha mẹ ruột. Một thời gian sau bà D cũng dẫn con về Hải Phòng nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại dẫn con về Hòa Long ở với cha mẹ ruột. Từ đó đến nay ông H không vào Hòa Long sinh sống cùng với bà D và con trai nữa. Ông H bà D có 01 con chung, thời gian trước cháu sống với ông bà ngoại nhưng thời gian gần đây bà D cho cháu đi học ở nhà thờ. Các ông H, Q, N cam kết với tư cách là người làm chứng chỉ khai những gì các ông biết về cuộc sống chung giữa ông H bà D và cam kết lời khai là hoàn toàn đúng sự thật.

[6]. Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Trần Thái T:

Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 2014 giữa ông H và bà D đã xảy ra mâu thuẫn do bà D làm ăn gây nợ nần, vợ chồng đã bàn bạc để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả nên ông H quyết định bán tài sản của gia đình để trang trải nợ nần và năm 2015 ông H trở về quê ở Hải Phòng sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu bà D có về sống chung với ông H nhưng mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra nên từ năm 2017 đến nay ông H và bà D sống ly thân. Ông H xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với bà D. Riêng bà D thì không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm yêu thương chồng nhưng không thể hiện thiện chí hàn gắn, mặt khác bà D khai trong thời gian ly thân bà D có làm việc ở Hải Phòng nhưng vợ chồng không liên lạc, gặp gỡ nhau. Như vậy, chứng tỏ tình cảm giữa ông H và bà D thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông H được ly hôn với bà D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu N, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nghĩa tròn 18 tuổi.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn bà D chưa chấp hành mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Về nội D vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà D đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng ông H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà D; về con chung: Theo nguyện vọng của cháu N, bà D được quyền nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí ông H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Duy H có đơn xin ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Duy H là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về việc làm ăn, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai đã cố gắng

tìm cách hàn gắn để vợ chồng cùng chung sống chăm lo nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Mặt khác, vì điều kiện công việc ông H sinh sống ở Hải Phòng còn bà D sinh sống ở thành phố Bà Rịa nên vợ chồng không có thời gian gần gũi chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, ông H và bà D không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng ông H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D vì theo ông giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn.

Bà D thì cho rằng bản thân còn thương yêu chồng, muốn con có cuộc sống đủ cả cha lẫn mẹ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình Tòa án hòa giải bà D không thể hiện thiện chí hàn gắn, bà D thừa nhận cả hai không gặp gỡ nói chuyện chia sẻ cùng nhau. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của những người làm chứng. Bà Huỳnh Thị Kim Á là mẹ ruột của bà D xác nhận mâu thuẫn giữa ông H và bà D là có thật, vợ chồng không chung sống và không còn liên lạc với nhau mấy năm nay. Những người làm chứng là ông Bùi Thanh H, Trần Văn Q và Trần Văn N là hàng xóm nơi ông H và bà D sống chung trước đây cũng xác nhận quá trình chung sống giữa ông H và bà D có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân hiện ông H sinh sống ở Hải Phòng còn bà D và con sống ở Bà Rịa. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông H là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà D và ông H là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông H về việc ly hôn với bà D.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông H có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006, hiện cháu đang được bà D gửi sinh sống và học tập ở nhà thờ, bà D là người trực tiếp quản lý thăm nom con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H có nguyện vọng giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con với 3.000.000 đồng/tháng. Bà D mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng thể hiện quan điểm trong trường hợp phải ly hôn thì bà sẽ là người trực tiếp nuôi con. Tại bản tự khai ngày 18-12-2019 cháu N cũng thể hiện nguyện vọng được chung sống với mẹ đến tuổi trưởng thành. Do vậy, theo nguyện vọng của cháu N và để đảm bảo cho cháu có điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông H về việc giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Công nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/02/2020 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy H.

+ Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị Kim D có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006. Theo nguyện vọng của cháu N, bà Nguyễn Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Duy N, sinh ngày 08/5/2006 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/02/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Huỳnh Duy N trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị Kim D không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2019/0000824 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, ông H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2020), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Anh